

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2098/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2021

V/v: “*Tranh chấp xác định con cho cha mẹ*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1073/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp xác định con cho cha*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4640/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm X

Địa chỉ: 27/6 đường T, xã Đ, thị xã D, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Lê M, sinh năm X

Địa chỉ: 1106/23/17 đường T, tổ 8, khu phố O, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Bà Nguyễn D, sinh năm X

Địa chỉ: 1106/23/17 đường T, tổ 8, khu phố O, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn N như sau:

Vào đầu năm 2014, ông N có quen biết với bà Nguyễn D. Tại thời điểm đó, bà D

có tâm sự với ông N là bà đã có chồng nhưng đã ly hôn. Do đó, trong thời gian quen biết nhau ông N và bà D có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó, ông N phát hiện ra bà D nói dối ông, bà D chỉ mới ly thân với ông M chứ chưa ly hôn nên ông chấm dứt quan hệ tình cảm với bà D. Một thời gian sau, ông N phát hiện bà D mang thai nhưng ông N nghĩ là con của ông M chứ không nghĩ là con của ông nên ông không quan tâm. Sau khi sinh con, bà D và ông M đi làm giấy khai sinh cho con mang tên Lê Nguyễn M1 và để tên cha là Lê M và tên mẹ là Nguyễn D. Do vợ chồng ông M và bà D mâu thuẫn nên ông M nộp đơn lên Toà án nhân dân Quận 9 xin được ly hôn với bà D. Ngày 30/3/2017, Toà án nhân dân Quận 9 ban hành Bản án với quyết định ông Lê M được ly hôn với bà Nguyễn D, về phần con chung thì giao cho bà Nguyễn D trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Nguyễn M1. Sau khi ông M, bà D ly hôn, ông M và bà D nói lại tình cảm và ông phát hiện ra trẻ Lê Nguyễn M1 có nét giống ông nên ông nghi ngờ đó là con ông chứ không phải con ông M. Sau đó, ông có mang trẻ Lê Nguyễn M1 đi xét nghiệm AND. Theo kết quả xét nghiệm của Công ty TNHH MTV TM và DV DNA Testing kết luận: Căn cứ vào kết quả phân tích AND, Hội đồng khoa học Công ty TNHH MTV TM và DV DNA TESTINGS thì ông Trần Văn N và trẻ Lê Nguyễn M1 có cùng huyết thống: Cha – Con với độ tin cậy 99,9999%.

Ông N đã nhiều lần liên hệ với ông Lê M để làm thủ tục xác định lại cha mẹ cho con nhưng ông M không hợp tác. Vì vậy, ông N yêu cầu Tòa án, công nhận trẻ Lê Nguyễn M1, sinh ngày 02/4/2015 là con của ông.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn N như sau:

Ông M và bà Nguyễn D kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85 quyền số 01 ngày 26/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vào ngày 02/4/2015, bà D sinh bé Lê Nguyễn M1. Vì vậy, ông M nghĩ bé Tâm là con của ông. Ông M và bà D có đăng ký khai sinh cho bé. Tại Giấy khai sinh số 116 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường N Trung cấp có ghi tên mẹ là Nguyễn D và cha là Lê M. Hiện nay cháu Tâm đang sống cùng bà D.

Nay ông N khởi kiện, yêu cầu xác định bé Lê Nguyễn M1 là con của ông N thì đề nghị Tòa án xem xét, nếu có kết quả giám định AND bé Tâm là con của ông N thì ông M cũng đồng ý.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn D như sau:

Vào ngày 02/4/2015, bà D sinh bé Lê Nguyễn M1. Bà D và ông Lê M kết hôn vào năm 2002. Thời gian này, bà D có tình cảm với ông Trần Văn N. Tuy nhiên, do bà D và ông Lê M chưa làm thủ tục ly hôn nên tại Giấy khai sinh số 116 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường N Trung cấp cho cháu Lê Nguyễn M1, ghi tên mẹ là bà Nguyễn D và cha là Lê M. Hiện nay cháu Tâm đang sống với bà D.

Bà D không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định tư cách tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thủ tục hòa giải, về thời hạn

chuẩn bị xét xử, về thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, về thủ tục cấp tổng đạt cho đương sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Văn N và ông Lê M là Tranh chấp xác định con cho cha. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn N, ông Lê M, bà Nguyễn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông M, bà D theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 85 quyển số 01 ngày 26/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, thể hiện ông M và bà D kết hôn vào năm 2002. Tại Bản án số 246/2018/HNGĐ-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu pháp luật (trừ phần quyết định liên quan đến trẻ Lê Nguyễn M1) thể hiện quan hệ hôn nhân của ông M và D được chấm dứt. Căn cứ Giấy khai sinh số 116 quyển số 01/2015 ngày 07/5/2015 thì trẻ Lê Nguyễn M1 sinh ngày 02/4/2015, là trong khoảng thời gian tồn tại mối quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà D. Theo trình bày của ông N, ông M, bà D trình bày khi sinh trẻ Lê Nguyễn M1, ông M và bà D chưa làm thủ tục ly hôn nên đã khai trẻ Lê Nguyễn M1 là con của ông Lê M và bà Nguyễn D.

Theo kết luận giám định số No..KQ 2101255 ngày 27/7/2021 của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phân Tích Di Truyền thì trẻ Lê Nguyễn M1 và ông Trần Văn N có quan hệ huyết thống cha-con. Vì vậy yêu cầu của ông N về việc xác định trẻ Lê Nguyễn M1 là con của ông N là có cơ sở chấp nhận.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 48; 63; 184; 186; 188; 203; 205; 227; 228; 235; 244; 264; 266; 271 và 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 10 và 27 cùng các danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn N:

Xác định trẻ Lê Nguyễn M1, sinh ngày 02/4/2015 là con ông Trần Văn N.

Ông Trần Văn N có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký khai sinh, cải chính hộ tịch theo quy định.

2. Về án phí:

Ông Trần Văn N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CC THADS TP. Thủ Đức;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thu Hiền